

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Trong 2 tuần đầu tháng 02/2020, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn giảm so với tháng 01/2020, giá cà phê Arabica tăng.
- ▶ Giá cà phê Robusta trong nước 2 tuần đầu tháng 02/2020 tăng so với cuối tháng 01/2020.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh tăng từ 20,9% trong 11 tháng năm 2018, lên 25% trong 11 tháng năm 2019.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

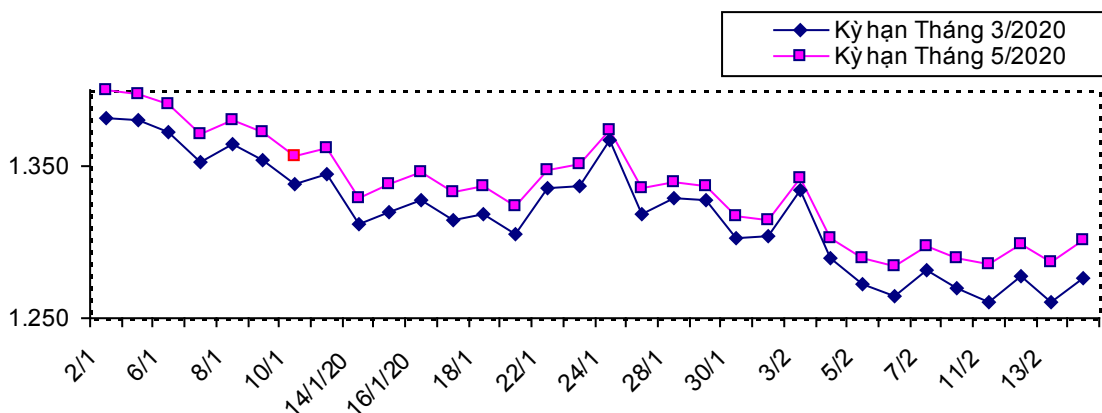
Trong 2 tuần đầu tháng 02/2020, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn giảm so với tháng 01/2020, giá cà phê Arabica tăng. Cụ thể:

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 14/02/2020 giá cà phê Robusta giao kỳ

hạn tháng 3/2020 giảm 1,1% so với ngày 31/01/2020, xuống còn 1.276 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 5/2020 giao dịch ở mức 1.301 USD/tấn, giảm 1,1% so với ngày 31/01/2020.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn từ đầu tháng 01/2020

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 14/02/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 2,9% so với ngày 31/01/2020, giao dịch ở mức 104,45 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 5/2020 tăng

2,9% so với ngày 31/01/2020, giao dịch ở mức 106,7 Uscent/lb.

+ Trên sàn giao dịch BFM của Bra-xin, ngày 14/02/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 4,5% so với ngày

31/01/2020, giao dịch ở mức 126,4 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 7/2020 tăng 3,6% so với ngày 31/01/2020, giao dịch ở mức 121,5 Uscent/lb,

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức 1.381 USD/tấn, trừ lùi 80 USD/tấn, giảm 0,2% so với ngày 31/01/2020.

Giá cà phê Robusta giảm do nguồn cung cà phê toàn cầu có khả năng sẽ dư thừa trước triển vọng Bra-xin sẽ có một vụ mùa thu hoạch mới đạt kỷ lục trong vài tháng tới. Theo dự báo của Viện Địa lý và Thống kê Bra-xin (IBGE), sản lượng cà phê của nước này năm 2020 tăng 12,9% so với năm 2019, lên mức 56,4 triệu bao 60 kg (tương đương 3,4 triệu tấn).

Theo Liên đoàn các nhà trồng cà phê Cô-lôm-bi-a, sản lượng cà phê trong tháng 01/2020 của nước này đạt 1.050 nghìn bao, thấp hơn 246 nghìn bao so với tháng 01/2019. Tính chung 4 tháng đầu niên vụ 2019/20, sản lượng cà phê của Cô-lôm-bi-a đạt 5.605 nghìn bao, cao hơn 640 nghìn bao so với 4 tháng đầu niên vụ 2018/19. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê của Cô-lôm-bi-a trong tháng 01/2020 đạt 1.101 nghìn bao, thấp hơn 65 nghìn bao so với tháng 01/2019. Tính chung 4 tháng đầu niên vụ 2019/20, xuất khẩu cà phê của Cô-lôm-bi-a đạt 4.884 nghìn bao, cao hơn 17 nghìn bao so với 4 tháng đầu niên vụ 2018/19.

Theo Chính phủ In-đô-nê-xi-a, sản lượng cà phê Robusta xuất khẩu trong

tháng 01/2020 của đảo Sumatra - đảo trồng cà phê lớn nhất của nước này đạt 164.143 bao, tăng 61.900 bao (tương đương mức tăng 60,54%) so với tháng 01/2019. Tính chung 4 tháng đầu niên vụ 2019/20, xuất khẩu cà phê Robusta của đảo Sumatra đạt 1.098.268 bao, tăng 342.955 bao (tương đương mức tăng 45,4%) so với 4 tháng đầu niên vụ 2018/19. Nguồn cung cà phê toàn cầu sẽ được bổ sung khi vụ thu hoạch cà phê Robusta tại khu vực phía Nam đảo Sumatra sẽ bắt đầu vào tháng 3/2020.

Thị trường cà phê Đông Nam Á cũng có dấu hiệu tăng bán sau kỳ nghỉ Tết cổ truyền khiến thị trường chịu thêm sức ép dư cung. Ngoài ra, đồng USD tăng so với các đồng tiền chủ chốt trong giỏ tiền tệ thế giới khiến giá cà phê giảm.



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC:

Trong 2 tuần đầu tháng 02/2020, giá cà phê Robusta trong nước tăng so với cuối tháng 01/2020. Ngày 14/02/2020, giá cà phê Robusta ở mức thấp nhất là 30.700 đồng/kg ở huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng; cao

nhất là 31.300 đồng/kg tại huyện Cư M'gar tỉnh Đắk Lắk. Tại các kho quanh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta loại R1 tăng 0,9% so với ngày 31/01/2020, giao dịch ở mức 32.600 đồng/kg.

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 14/02/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 31/01/2020 (%)	So với ngày 14/01/2020 (%)
Tỉnh Lâm Đồng			
-Lâm Hà (Robusta)	30.800	1,7	-0,6
-Bảo Lộc (Robusta)	30.800	1,3	-0,6
-Di Linh (Robusta)	30.700	1,3	-0,6
Tỉnh Đắk Lắk			
-Cư M'gar (Robusta)	31.300	1,3	-0,9
-Ea H'leo (Robusta)	31.200	1,3	-1,0
-Buôn Hồ (Robusta)	31.200	1,6	-1,0
Tỉnh Gia Lai			
-Pleiku (Robusta)	31.000	1,0	-1,0
-Chư Prông (Robusta)	30.900	1,0	-1,0
-Ia Grai (Robusta)	31.000	1,0	-1,0
Tỉnh Đắk Nông			
-Gia Nghĩa (Robusta)	31.000	1,0	-1,0
-Đắk R'lấp (Robusta)	30.900	1,0	-1,3
Tỉnh Kon Tum			
-Đắk Hà (Robusta)	30.900	0,0	-1,9
Thành phố Hồ Chí Minh			
-R1	32.600	0,9	-0,9

Nguồn: Tintaynguyen.com

Năm 2019, diện tích trồng cà phê của cả nước đạt 688,4 nghìn ha, tương đương năm 2018, năng suất ước đạt 26,6 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1,66 triệu tấn, tăng khoảng 30 nghìn tấn so với năm 2018. Năm 2020

dự kiến sản xuất, trồng trọt sẽ gặp nhiều khó khăn do tình hình khô hạn, thị trường tiêu thụ cà phê thiếu ổn định, giá cà phê xuất khẩu thấp.

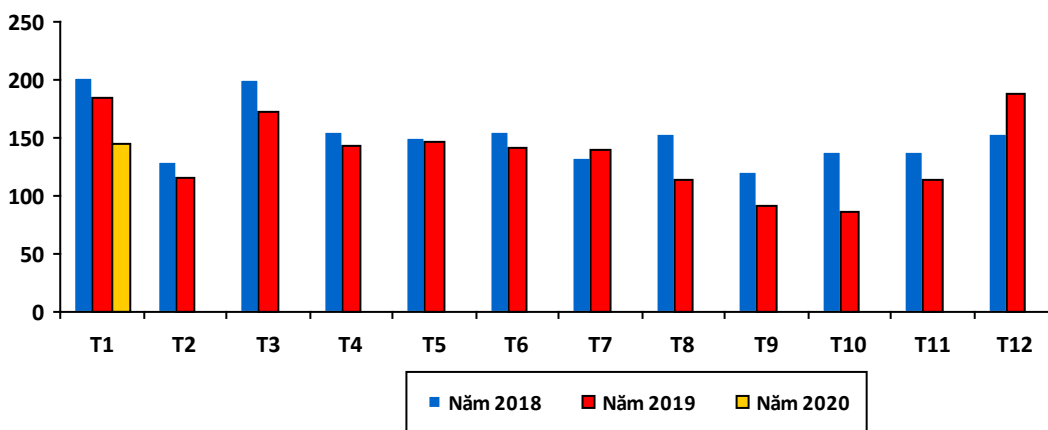
XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 01/2020 GIẢM

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê tháng 01/2020 giảm 22,9% về lượng và giảm 24,7% về trị giá so với tháng 12/2019, so với tháng 01/2019

giảm 28% về lượng và giảm 29,9% về trị giá. Xuất khẩu cà phê tháng 01/2020 giảm do có thời gian giảm giao dịch trong dịp nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý.

Lượng cà phê xuất khẩu theo tháng năm 2018 - 2020

(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 01/2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường Đức giảm 4,6% về lượng và giảm 8,1% về trị giá so với tháng 12/2019, so với tháng 01/2019 giảm 8,2% về lượng và giảm 14,2% về trị giá, đạt 23.734 tấn, trị giá 37,24 triệu USD. Giá xuất khẩu bình quân cà phê sang Đức trong tháng 01/2020 đạt mức 1.569 USD/tấn.

Tháng 01/2020, xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ đạt 13.715 tấn, trị giá 24,75 triệu USD, giảm 37,4% về lượng và giảm 36,3% về trị giá so với tháng 12/2019, so với tháng 01/2019 giảm 25,1% về lượng và giảm 23,9% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân cà phê sang Hoa Kỳ tháng 01/2020 đạt mức 1.805 USD/tấn, giảm 1,6% so với tháng 12/2019, nhưng tăng 1,6% so với tháng 01/2019.



Xuất khẩu cà phê sang Ý tăng 32,6% về lượng và tăng 32,8% về trị giá so với tháng 12/2019, đạt 14.949 tấn, trị giá 23,61 triệu USD, nhưng giảm 15% về lượng và giảm 18,5% về trị giá so với tháng 01/2019. Giá xuất khẩu bình quân cà phê sang Ý trong tháng 01/2020 tăng 0,2% so với tháng 12/2019, lên mức 1.580 USD/tấn, nhưng giảm 4,1% so với tháng 01/2019.

Bên cạnh đó, xuất khẩu cà phê trong tháng 01/2020 sang một số thị trường tăng so với tháng 12/2019, như: Úc, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Hà Lan, I-xra-en.

10 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất trong tháng 01/2020

Thị trường	Tháng 01/2020			So với tháng 12/2019 (%)			So với tháng 01/2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Đức	23.734	37.242	1.569	-4,6	-8,1	-3,7	-8,2	-14,2	-6,6
Ý	14.949	23.617	1.580	32,6	32,8	0,2	-15,0	-18,5	-4,1
Hoa Kỳ	13.715	24.756	1.805	-5,6	-7,1	-1,6	-25,1	-23,9	1,6
Nhật Bản	8.586	14.954	1.742	-37,4	-36,3	1,7	-29,8	-32,1	-3,3
Tây Ban Nha	8.202	14.028	1.710	-48,8	-46,4	4,7	-51,9	-49,3	5,5
Nga	7.279	13.790	1.895	-21,3	-23,4	-2,7	-45,4	-43,7	3,2
Bỉ	4.378	7.471	1.706	-39,8	-38,4	2,3	-60,5	-59,0	3,7
An-giê-ri	3.945	6.218	1.576	-65,8	-66,6	-2,4	-39,1	-40,1	-1,7
Phi-líp-pin	3.884	9.338	2.404	-30,8	-23,2	11,0	-48,2	-39,3	17,3
Ma-lai-xi-a	2.821	4.801	1.702	-30,1	-30,3	-0,3	-46,1	-43,1	5,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ANH 11 THÁNG NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu cà phê của Anh trong 11 tháng năm 2019 đạt 236.860 tấn, trị giá 964,66 triệu USD, tăng 1,1% về lượng và tăng 0,03% về trị giá so với 11 tháng năm 2018.

Trong 11 tháng năm 2019, nhập khẩu cà phê Arabica hoặc Robusta chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) của Anh đạt 171.680 tấn, trị giá 452,94 triệu USD, giảm 4,1% về lượng và giảm 8,3% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2018.

Nhập khẩu cà phê rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) của Anh trong 11 tháng năm 2019 đạt 51.960 tấn, trị giá 442,14 triệu USD, tăng 10,9% về lượng và tăng 6,1% về trị giá so với 11 tháng năm 2018; Nhập khẩu cà phê đã khử caffein (mã HS 090112) đạt 5.855 tấn, trị giá 20,4 triệu USD, tăng 48,2% về lượng và tăng 33,8% về trị giá so với 11 tháng năm 2018.

Chủng loại cà phê nhập khẩu của Anh trong 11 tháng năm 2019

Mã HS	11 tháng năm 2019			So với 11 tháng năm 2018 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ	11 tháng năm 2019	11 tháng năm 2018
Tổng	236.860	964.667	4.073	1,1	0,03	-1,0	100,0	100,0
090111	171.680	452.942	2.638	-4,1	-8,3	-4,3	72,5	76,4
090121	51.960	442.148	8.509	10,9	6,1	-4,4	21,9	20,0
090112	5.855	20.406	3.485	48,2	33,8	-9,7	2,5	1,7
090190	4.270	18.658	4.369	118,7	49,2	-31,8	1,8	0,8
090122	3.094	30.513	9.861	17,6	16,7	-0,7	1,3	1,1

Nguồn: ITC

Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh trong 11 tháng năm 2019 đạt 4.073 USD/tấn, giảm 1,0% so với 11 tháng năm 2018. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh từ Việt Nam đạt 1.823 USD/tấn; Bra-xin đạt 2.378 USD/tấn; Đức đạt 7.813 USD/tấn; Cô-lôm-bi-a đạt 3.558 USD/tấn.

10 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Anh trong 11 tháng năm 2019

Thị trường	11 tháng năm 2019			So với 11 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Việt Nam	59.170	107.889	1.823	20,8	9,3	-9,5
Bra-xin	45.935	109.234	2.378	-27,7	-24,7	4,1
Đức	15.747	123.034	7.813	10,9	-2,9	-12,5
Cô-lôm-bi-a	14.520	51.662	3.558	-3,5	-6,3	-2,9
Hon-đu-rát	13.748	40.702	2.961	1,7	-5,6	-7,2
Hà Lan	11.065	57.570	5.203	68,6	23,2	-26,9
Ý	10.374	57.025	5.497	-13,7	-7,2	7,5
Pháp	9.989	149.792	14.996	50,2	25,1	-16,7
Tây Ban Nha	8.504	51.126	6.012	21,6	9,7	-9,8
In-đô-nê-xi-a	8.165	24.504	3.001	23,0	2,1	-17,0
Thị trường khác	39.644	192.130	4.846	-1,5	-2,5	-1,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

11 tháng năm 2019, Anh tăng nhập khẩu cà phê từ các thị trường: Việt Nam, Đức, Hon-đu-rát, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha, In-đô-nê-xi-a; giảm nhập khẩu từ các thị trường: Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ý. Cụ thể:

Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Anh trong 11 tháng năm 2019, đạt 59.170 tấn, trị giá 107,89 triệu USD, tăng 20,8% về lượng và tăng 9,3% về trị giá so với 11 tháng năm 2018. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Anh tăng từ 20,9% trong 11 tháng năm 2018, lên 25% trong 11 tháng năm 2019. Anh nhập khẩu từ Việt Nam chủ yếu là cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111), chiếm 94,6% trong tổng nhập khẩu. Đáng chú ý, trong khi Anh giảm nhập khẩu chủng loại cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) từ các nguồn cung

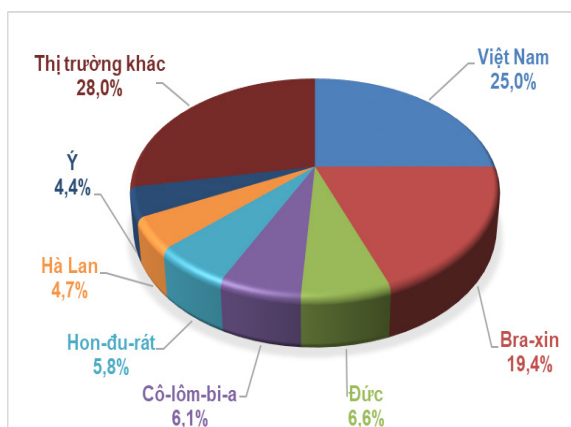
khác, nhưng vẫn tăng nhập khẩu từ Việt Nam, tăng 6,5%, đạt 102,1 triệu USD.

Bra-xin là nguồn cung cà phê lớn thứ 2 cho Anh trong 11 tháng năm 2019, nhập khẩu đạt 45.935 tấn, trị giá 109,23 triệu USD, giảm 27,7% về lượng và giảm 24,7% về trị giá so với 11 tháng năm 2018. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Anh giảm từ 27,1% trong 11 tháng năm 2018, xuống 19,4% trong 11 tháng năm 2019. Năm 2019, cơ cấu chủng loại cà phê nhập khẩu của Anh từ Bra-xin có sự thay đổi. Nếu như trong 11 tháng năm 2018, nhập khẩu chủng loại cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) của Anh từ Bra-xin chiếm 98,1%, thì trong 11 tháng năm 2019 chỉ chiếm 94,3%, giảm 27,2%, thay vào đó Anh tăng nhập khẩu chủng loại cà phê đã khử caffein (mã HS 090121), tăng 76,4%.

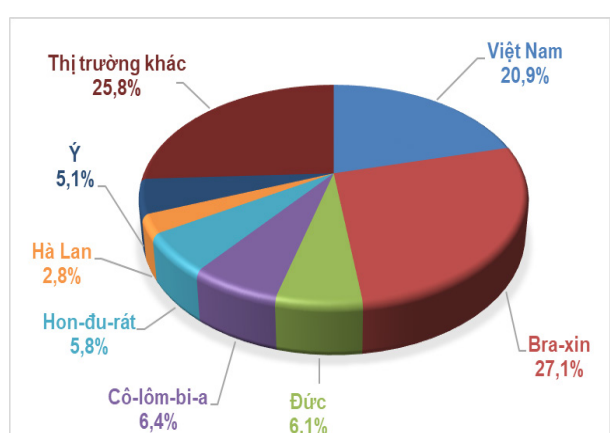
Cơ cấu nguồn cung cà phê cho Anh

(Tỷ trọng tính theo lượng)

11 tháng năm 2019



11 tháng năm 2018



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)